



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 33 /NQ-GĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp Quý III/2020 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;

Căn cứ Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định,

Tại phiên họp Quý III/2020 được tổ chức vào ngày 20/11/2020, Hội đồng quản trị đã nghe báo cáo, trình và thảo luận, lấy ý kiến thông qua các nội dung:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh – tài chính 9 tháng đầu năm 2020 và nhiệm vụ trọng tâm 03 tháng cuối năm 2020 (kèm Báo cáo kế toán từ 01/7/2020 đến 30/9/2020);
- Trình điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2020;
- Trình điều chỉnh, bổ sung công trình giảm nước thất thoát thất thu (lần 4);
- Trình về việc thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2018, 2019, 2020;
- Trình về việc lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Công ty,

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo số 2226/BC-GĐ-KHVT ngày 27/10/2020 (kèm Báo cáo kế toán từ 01/07/2020 đến 30/9/2020) về kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính 9 tháng đầu năm 2020 và nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2020, trong đó tổng doanh thu tăng 10.08%, doanh thu tiền nước tăng 10.64% so với thực hiện 9 tháng đầu năm 2019; giá bán bình quân tăng 138 đồng/m³ so với kế hoạch và tăng 1.029 đồng/m³ so với cùng kỳ năm 2019 (Phụ lục 1)

Đề nghị Ban Giám đốc tập trung chỉ đạo Phòng – Ban – Đội phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, trong đó chú trọng tỷ lệ thực thu; đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng cơ bản, giảm nước thất thoát thất thu để kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước; chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất – kinh doanh – tài chính năm 2021.



2. Hội đồng quản trị xem xét, nghiên cứu Tờ trình số 2091/TTr-GĐ-KHVT ngày 14/10/2020 của Giám đốc Công ty về việc điều chỉnh kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2020, thống nhất việc trình Đại hội đồng cổ đông điều chỉnh 02 chỉ tiêu:

CHỈ TIÊU	Đvt	KH 2020 (NQ05- ĐHĐCĐ)	Đề xuất lần 1 (NQ 31)	Điều chỉnh, bổ sung so với NQ05- ĐHĐCĐ	KH 2020 (Trình ĐC lần 2)
1. Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m ³	54.800	54.000	Giảm 0.8	53.600
2. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	574,116	565,800	Giảm 5,148	565,968
Trong đó, Doanh thu nước	Tỷ đồng	569,626	561,300	Giảm 4,575	565,051

Với tỷ lệ 71,43%, Hội đồng quản trị thống nhất giữ nguyên chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua là **21.400 tỷ đồng** tại Nghị quyết số 05/NQ-GĐ-ĐHĐCĐ ngày 02/6/2020.

Ngoài ra, thống nhất cho Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định mở thủ tục “Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản” theo Điều 36 Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty để điều chỉnh 02 chỉ tiêu trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh – tài chính năm 2020 như trên. Giao Ông Nguyễn Doãn Xã - Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện và công bố thông tin theo quy định pháp luật.

3. Thống nhất việc điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình giảm nước thất thoát thất thu, cụ thể chuyển đổi giai đoạn đầu tư của 17 công trình thuộc kế hoạch năm 2020 từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư sang thực hiện đầu tư; bổ sung 35 công trình vào giai đoạn chuẩn bị đầu tư thuộc danh mục công trình giảm nước thất thoát thất thu năm 2020 theo nội dung Tờ trình số 2447/TTr-GĐ-KHVT ngày 12/11/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung công trình giảm nước thất thoát thất thu (lần 4). (*Phụ lục 2*)

Đề nghị Giám đốc chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án theo kế hoạch để tiếp tục kéo giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu kỳ vọng.

4. Hội đồng quản trị đã xem xét, thảo luận về đơn giá sỉ mua bán nước sạch năm 2018, 2019, 2020 giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV theo nội dung Tờ trình 2425/TTr-GĐ-KTTC ngày 10/11/2020. Theo đó, với 1/3 phiếu (tỷ lệ 33,37%) thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2018, 2019, 2020 theo đơn giá đề xuất tại Tờ trình 2425, trong đó 04 thành viên Hội đồng quản trị là người nội bộ có lợi ích liên quan (Người đại diện vốn góp của cổ đông Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn) tán thành nhưng không tính tỷ lệ theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Với 02/3 phiếu (tỷ lệ 66,67%) thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết không đồng ý thông qua đơn giá theo đề nghị đã nêu tại Tờ trình 2425.

5. Thống nhất thông qua việc lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Công ty theo nội dung Tờ trình số 2239/TTr-GĐ-TCHC ngày 28/10/2020. Giao Giám đốc Công ty thực hiện việc lắp đặt đúng quy định kỹ thuật, đảm bảo hiệu quả về mặt kinh tế, tiết kiệm chi phí Công ty.

Nơi nhận:

- UBCK, SGDCK “để báo cáo”;
- Thành viên HĐQT;
- CT HĐQT, TGD, KSV TCTy;
- Trưởng BKS;
- Ban giám đốc;
- Kế toán trưởng Cty;
- Lưu VT (Tky.16).

TM.Hội đồng quản trị
Chủ tịch



Nguyễn Doãn Xã





**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 1

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2020

(Đính kèm Nghị quyết số 33 /NQ-GĐ-HĐQT ngày 25 tháng 1 năm 2020)

Chỉ tiêu	Đ/v tính	Thực hiện 9T năm 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 9T năm 2020	Tỷ lệ (%)	
					So với KH 2020	So với 9T năm 2019
A. SẢN XUẤT KINH DOANH		(1)	(2)	(3)	(4= 3/2)	(5=3/1)
1. Nước tiêu thụ (chuẩn 1)	triệu m ³	39.940	54.800	39.874	72,76%	99,84%
2. Gắn mới đồng hồ nước	Cái	860	500	703	140,60%	81,74%
3. Thay đồng hồ nước	Cái	21.005	27.020	20.746	76,78%	98,77%
4. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00	100,00%	100,00%
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG						
1. Phát triển mạng lưới cấp nước	m	-	800	740	-	92,50%
	Tỷ đồng	-	2,000	1,850	-	92,50%
2. Đầu tư thay mới ống mục	m	380	3.364	1.097	288,68%	32,61%
	Tỷ đồng	2,518	16,182	5,393	214,18%	33,33%
3. Công trình giảm nước thất thoát thất thu	m	-	6.018	1.020	-	16,95%
	Tỷ đồng	-	37,120	-	-	-
C. TÀI CHÍNH						
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	385,065	574,116	424,856	74.01%	110,34%
2. Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	379,338	569,626	419,561	82,48%	110,08%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	23,523	21,400	13,027	60,88%	55,38%
4. Nộp ngân sách	Tr.đồng	63,961	92,465	68,454	74,04%	107,02%

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÔNG TRÌNH GIẢM NƯỚC THẮT THOÁT THẤT THU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (LẦN 4)

(Đính kèm Nghị quyết số 33 /NQ-GD-HĐQT ngày 25 tháng 11 năm 2020)

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Đăng ký thực hiện năm 2020					Ghi chú
			Khối lượng (mét)	Bộ đai	Hầm ĐH	Data logger	Tổng vốn (triệu đồng)	
	TỔNG SỐ CHUYÊN TIẾP 2019 + THĐT+ CHUẨN BI ĐẦU TƯ 2020		35,569m	2,711	15	30	165,718	
	<i>Công trình chuyển tiếp 2019 sang 2020 và thực hiện đầu tư 2020</i>		16,998m	1,375	5		89,761	
I	Công trình chuyển tiếp 2019 sang 2020		6,018m	1,008	5		37,120	
1	SCOM đường Bùi Đình Túy, hẻm 101 Đinh Bộ Lĩnh, thay đai hẻm 70 Chu Văn An, hẻm 21 Nguyễn Xi, P26, QBT	QBT	270m	Ø180	110		1,279	
2	SCOM lề phải 685 XVNT (đoạn từ XVNT đến Quốc Lộ 13) P26 QBT		380m	Ø125			1,116	
3	Sửa chữa ống mục đường Hoa Hồng, hẻm 64 Cù Lao P2 QPN	QPN	300m	Ø125	0	0	1,515	
4	Sửa chữa ống mục đường Nguyễn Công Hoan, đường Trường Sa (từ 290 đến 336) P2 QPN	QPN	200m	Ø125	0	0	900	
5	Phân vùng tách mạng DMA PN0700 P7 QPN, DMA BT1302 P13 QBT	QPN, QBT	300m	Ø100	0	1	1,350	
6	Phân vùng tách mạng và lắp đặt van giảm áp cho các khu vực P2, 3, 10 QPN; P2 QBT	QPN, QBT	0m		0	4	1,200	
7	Sửa chữa ống mục đường Cù Lao (từ 78 đến Trường Sa) P2 QPN	QPN	440m	Ø125	0	0	1,848	
8	Sửa chữa ống mục đường Hoa Phượng (từ 68 đến Trường Sa) P2 QPN	QPN	250m 40m	Ø125 Ø180	0	0	1,218	
9	Sửa chữa ống mục đường Hoa Lan (từ Nguyễn Công Hoan đến đường số 11) P2 QPN	QPN	330m	Ø125	0	0	1,655	
10	Sửa chữa ống mục đường Hoa Hồng (từ Nguyễn Công Hoan đến đường số 11) P2 QPN	QPN	250m	Ø125	0	0	1,325	
11	Sửa chữa ống mục hẻm 112 Chiến Thắng P9 QPN	QPN	270m	Ø125	0	0	1,283	
12	Sửa chữa ống mục hẻm 166/46 Thích Quảng Đức P4 QPN	QPN	150m	Ø125	0	0	713	
13	Sửa chữa ống mục đường Phú Mỹ, hẻm 23 Nguyễn Hữu Cảnh P22 QBT	QBT	300m	Ø125	0	0	1,050	
14	Sửa chữa ống mục hẻm 286 Nguyễn Thượng Hiền, hẻm 64, 72 Phan Đăng Lưu P5 QPN	QPN	550m	Ø125	0	0	1,925	
15	Thay đai hẻm 25, 195 Lê Văn Sỹ P13, Trường Sa từ 702 đến 868, hẻm 108, 118 Trần Quang Diệu, SCOM hẻm 60 Trần Quang Diệu P14 Q3	Q3	12m	Ø125	222	0	1,596	
16	Thay đai hẻm 204, 209, 232/17 Quốc Lộ 13; hẻm 75, 272 Đinh Bộ Lĩnh; hẻm 82 Chu Văn An; SCOM hẻm 270/43 Quốc Lộ 13 P26 QBT	QBT	30m	Ø125	140	0	1,368	
17	Thay đai hẻm 407, 413, SCOM hẻm 115 Lê Văn Sỹ P12 Q3	Q3	22m	Ø125	85	0	1,188	
18	Thay đai hẻm 453 Lê Văn Sỹ (từ 453/15KD đến 453KH/86A) P12 Q3	Q3	0m		165	0	1,556	
19	Thay đai hẻm 453 Lê Văn Sỹ (từ 453/79 đến 453/159KC) P12 Q3	Q3	0m		160	0	1,620	
20	Thay đai hẻm 40 Nguyễn Văn Đậu P5 QPN- P6 QBT; SCOM hẻm 124 Nguyễn Đình Chiểu; hẻm 400 Nguyễn Kiệm P3, hẻm 18/4 Thích Quảng Đức P5 QPN	QPN	20m 74m	Ø125 Ø125	40	0	955	
21	Sửa chữa ống mục hẻm 346 Phan Văn Trị P11QBT	QBT	340m	Ø125	0	0	2,240	
22	Thay đai hẻm 104 Ngô Tất Tố P22; hẻm 685/78 XVNT P26 QBT	QBT	0m		86	0	947	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Đăng ký thực hiện năm 2020					Ghi chú	
			Khối lượng (mét)		Bộ đai	Hầm ĐH	Data logger		Tổng vốn (triệu đồng)
23	Sửa chữa ống mục hèm 434/9 Bình Quới (từ 434/9 đến 434/46/1B) P28 QBT	QBT	360m	Ø180	0	0		1,512	
24	Sửa chữa ống mục hèm 434/46/1B Bình Quới (từ 434/46/1B đến 434/46/25C) P28 QBT	QBT	230m	Ø180	0	0		966	
25	SCOM đường Trần Văn Kỳ P14 QBT	QBT	350m	Ø180	0	0		2,485	
26	Sửa chữa ống mục hèm 434 Bình Quới (từ 434/34 đến 434/34/19) P28 QBT	QBT	250m	Ø180	0	0		1,050	
27	Sửa chữa ống mục hèm 434 Bình Quới (từ 434/34/19 đến 434/34/23P) P28 QBT	QBT	300m	Ø180	0	0		1,260	
II	Công trình thực hiện đầu tư 2020		10,980m		367	0		52,641	
28	Sửa chữa ống mục hèm 43R Hồ Văn Huê P9 QPN	QPN	300m 200m	Ø180 Ø125				2,510	
29	Sửa chữa ống mục hèm 43D Hồ Văn Huê P9 QPN	QPN	200m 520m	Ø180 Ø125				3,164	
30	Sửa chữa ống mục hèm 778 Nguyễn Kiệm P4 QPN	QPN	200m 380m	Ø180 Ø125				2,576	
31	Sửa chữa ống mục hèm 750 Nguyễn Kiệm P4 QPN	QPN	150m 180m	Ø180 Ø125				1,838	
32	Sửa chữa ống mục hèm 12 Đào Duy Anh P9 QPN	QPN	350m	Ø180				2,205	
33	Sửa chữa ống mục DMA0901 P9 QPN	QPN	140m 400m	Ø180 Ø125				2,933	
34	Sửa chữa ống mục đường Cù Lao P2 QPN	QPN	300m 250m	Ø180 Ø125				2,520	
35	Sửa chữa ống mục đường Hoa Phượng, Hoa Sứ P2 QPN	QPN	450m	Ø180				2,363	
36	Sửa chữa ống mục đường Hoa Lan (từ Cù Lao đến Hoa Sứ) P2 QPN	QPN	550m	Ø125				2,434	
37	Sửa chữa ống mục đường Hoa Lan (từ Hoa Sứ đến Nguyễn Công Hoan) P2 QPN	QPN	550m	Ø125				2,434	
38	Sửa chữa ống mục khu vực phường 12, 13, 14 quận 3	Q3	82m 168m	Ø180 Ø125				1,029	Công trình chuyển từ CBBT sang THĐT 2020 (từ stt 38 đến 54)
39	SCOM và thay đai hèm 114, 214, 222 Bùi Đình Túy, hèm 261/40/5 Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, hèm 120 Nơ Trang Long, Phường 14,	QBT	120m 310m	Ø180 Ø125	103			2,411	
40	Sửa chữa ống mục hèm 311, 270 Nguyễn Xí, hèm 457, 412, 426, 454 Nơ Trang Long P13 QBT	QBT	570m	Ø125				2,433	
41	Thay đai 347/18 Huỳnh Văn Bánh, đường Trần Hữu Trang, Phường 11, Quận Phú Nhuận				95			1,516	
42	SCOM hèm 1134 Trường Sa, thay đai hèm 489A/ 21 Huỳnh Văn Bánh P13 QPN	QPN	70m	Ø125	95			1,050	
43	SCOM hèm 86 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8; đường Bùi Văn Thềm, hèm 170 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận	QPN	380m	Ø125				1,804	
44	Sửa chữa ống mục phường 15, 17 quận Phú Nhuận;	QPN	305m	Ø50	53			1,347	
45	SCOM hèm 602/37 Điện Biên Phủ, hèm 15 Võ Duy Ninh, Phường 22, Quận Bình Thạnh	QBT	434m	Ø125				1,789	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Đăng ký thực hiện năm 2020					Ghi chú	
			Khối lượng (mét)		Bộ đai	Hầm ĐH	Data logger		Tổng vốn (triệu đồng)
46	Sửa chữa ống mục đường Phó Đức Chính P1, hẻm 207 Bạch Đằng, hẻm 57 Điện Biên Phủ P15, hẻm 75 Nguyễn Cửu Vân, hẻm 11A3 XVNT P17 QBT;	QBT	389m	Ø125				1,558	
47	SCOM hẻm 427, 593, 801/3, 801/39, 749 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh	QBT	560m	Ø125				2,328	
48	SCOM hẻm 82/45, 59/3/14, 363/48, thay đai hẻm 82/37 Đinh Bộ Lĩnh P26 QBT	QBT	237m	Ø125	13			921	
49	SCOM hẻm 63, 183, 232 Quốc Lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh	QBT	510m	Ø125	8			2,296	
50	SCOM hẻm 129 Nguyễn Hồng, hẻm 235, 239 Phan Văn Trị, hẻm 207/52 Nguyễn Văn Đậu P11, hẻm 125/42/9 Bùi Đình Túy P24 QBT	QBT	447m	Ø125				1,565	
51	SCOM hẻm 192 Nguyễn Thượng Hiền, hẻm 5, 32 Trương Đăng Quế P1 QGV	QGV	299m	Ø125				1,047	
52	SCOM lẻ trái đường Bùi Đình Túy (từ Phan Văn Trị đến hẻm 304 Bùi Đình Túy) P12 QBT	QBT	240m	Ø225				1,080	
53	SCOM lẻ phải đường Bùi Đình Túy (từ Phan Văn Trị đến hẻm 347 Bùi Đình Túy) P14, 24 QBT	QBT	240m	Ø180				1,008	
54	Sửa chữa ống mục hẻm 117 Nguyễn Hữu Cảnh P22 QBT	OBT	350m 100m	Ø180 Ø125				2,482	
III	Công trình chuẩn bị đầu tư năm 2020		18,571m		1,336	10	30	75,957	
1	SCOM đường Lê Quang Định (từ Phạm Văn Đồng đến số 5 Nguyễn Văn Nghi) P1, P4 QGV	QGV	220m	Ø400				2,783	
2	SCOM lẻ phải đường Hoàng Văn Thụ (từ Nguyễn Kiệm đến đường ray xe lửa) P9 QPN	QPN	500m	Ø225				3,300	
3	SCOM lẻ trái đường Hoàng Văn Thụ (từ quân khu 7 đến Hồ Văn Huê) P9 QPN	QPN	900m	Ø180				2,100	
4	SCOM 02 bên lẻ đường Lê Quang Định (từ Phạm Văn Đồng đến cầu Hàng ngoài) P1 QGV	QGV	350m	Ø180				1,400	
5	SCOM hẻm 58, 343 Phan Xích Long, hẻm 270 Phan Đình Phùng, phường 1 quận Phú Nhuận	QPN	30m 360m 30m	Ø180 Ø125 Ø50				1,290	Công trình mới trình bổ sung (từ stt 5 đến 39)
6	SCOM hẻm 30 Thích Quảng Đức phường 5 quận Phú Nhuận	QPN	580m 30m	Ø125 Ø50				1,830	
7	SCOM hẻm 216,244,265 Đỗ Tấn Phong; hẻm 54 Đào Duy Anh phường 9 quận Phú Nhuận	QPN	150m 250m	Ø180 Ø125				1,350	
8	SCOM hẻm 17,101 Hồ Văn Huê; hẻm 94 Trần Khắc Trân; hẻm 38 Hoàng Văn Thụ phường 9 quận Phú Nhuận	QPN	500m	Ø125				1,500	
9	SCOM hẻm 39,145 Lê Quang Định; hẻm 104 Nơ Trang Long; hẻm 14,45 Nguyễn Huy Lượng; hẻm 23,48 Nguyễn An Ninh; hẻm 47 Phan Văn Trị phường 14 quận Bình Thạnh	QBT	650m	Ø125				1,950	
10	SCOM hẻm 275/59,293,325 Bạch Đằng; hẻm 1A,124 Đinh Bộ Lĩnh; hẻm 110 Trường Sa; hẻm 277/27 Xô Viết Nghệ Tĩnh phường 15 quận BT	QBT	250m 400m	Ø180 Ø125				2,200	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Đăng ký thực hiện năm 2020					Ghi chú	
			Khối lượng (mét)		Bộ đai	Hầm ĐH	Data logger		Tổng vốn (triệu đồng)
11	SCOM hẻm 27,31,71,195,297,331 Điện Biên Phủ phường 15 quận Bình Thạnh	QBT	900m	Ø125				2,700	
12	SCOM hẻm 174,218,318 Điện Biên Phủ; hẻm 46 Nguyễn Cửu Vân; hẻm 192,226 Phan Văn Hân; hẻm 35,93 Xô Viết Nghệ Tĩnh phường 17 quận Bình Thạnh	QBT	400m 100m	Ø125 Ø50				1,500	
13	SCOM hẻm 29 Ngô Tất Tố; hẻm 180 Xô Viết Nghệ Tĩnh phường 21 quận Bình Thạnh	QBT	350m	Ø125				1,050	
14	SCOM hẻm 15 Võ Duy Ninh phường 22 quận Bình Thạnh	QBT	630m	Ø125				1,890	
15	SCOM hẻm 125/77,217/9,253,267,297 Bùi Đình Túy; hẻm 38 Nguyễn Thiện Thuật; hẻm 72/9,72/27,182/14,194/11,224 Bạch Đằng; hẻm 35/18 Đinh Bộ Lĩnh; hẻm 22,28 Huỳnh Đình Hai phường 24 quận BT	QBT	650m 200m	Ø125 Ø50				2,550	
16	SCOM hẻm 1 và mặt tiền đường Võ Oanh; hẻm 289 và mặt tiền đường D5; hẻm 39 Ung Văn Khiêm phường 25 quận Bình Thạnh	QBT	1,200m	Ø125				3,600	
17	SCOM hẻm 378,502,534,792,860/42,860/75 Xô Viết Nghệ Tĩnh phường 25 quận Bình Thạnh	QBT	760m 130m	Ø125 Ø50				2,670	
18	Lắp đặt van giảm áp cho DMA BT1302, BT2403, BT2504 phường 13,24,25 quận Bình Thạnh	QBT				4		1,200	
19	Phân vùng tách mạng DMA Q31200 ; DMA BT2401BT1403 ; DMA PN0300PN0402 ; DMA BT2728 ; PN0902	QBT,P N,Q3				6		3,000	
20	Lắp đặt datalogger điểm cuối tuyến theo dõi áp lực trên địa bàn	Q,BT, PN,3					30	2,000	
21	Sửa chữa ống mục Phường 12, 14 quận Bình Thạnh	QBT	445m	Ø125	35			1,510	
22	Sửa chữa ống mục Phường 3, 4, 5, 8, 10 quận Phú Nhuận	QPN	130m 25m 70m	Ø180 Ø125 Ø50	116			1,637	
23	Thay đai đường Nhiều tú, Phan Tây Hồ, Phan Xích Long Phường 7 quận Phú Nhuận	QPN			300			1,500	
24	Thay đai đường Phùng Văn Cung, Hoa Cúc, Hoa Huệ Phường 7 quận Phú Nhuận	QPN			300			1,500	
25	Sửa chữa ống mục Phường 22, quận Bình Thạnh	QBT	666m	Ø125				1,998	
26	Sửa chữa ống mục Phường 11,12 quận Phú Nhuận	QPN	90m 305m	Ø125 Ø50	97			1,670	
27	Sửa chữa ống mục Phường 13,14,15,17 quận Phú Nhuận	QPN	60m 264m	Ø125 Ø50	393			1,837	
28	Sửa chữa ống mục hẻm 593, 801/93/2 Xô Viết Nghệ Tĩnh, 140, 140/17 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 13, 26, quận Bình Thạnh	QBT	205m 105m	Ø125 Ø50	95			1,410	
29	Sửa chữa ống mục Phường 3 quận Bình Thạnh	QBT	650m	Ø125				1,950	
30	Sửa chữa ống mục hẻm 19,27,35,101 Nguyễn Thượng Hiền Phường 5 quận Bình Thạnh	QBT	353m	Ø125				1,059	
31	Sửa chữa ống mục hẻm 29,35,26,32,42 Trương Đăng Quế; hẻm 100 Nguyễn Hồng Phường 1 quận Gò Vấp	QGV	681m	Ø125				2,043	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm	Đăng ký thực hiện năm 2020					Ghi chú	
			Khối lượng (mét)		Bộ đai	Hầm ĐH	Data logger		Tổng vốn (triệu đồng)
32	Sửa chữa ống mục Phường 19,21 quận Bình Thạnh	QBT	720m	Ø125				2,480	
33	Sửa chữa ống mục Phường 1,11,15 quận Bình Thạnh	QBT	42m 599m	Ø180 Ø125				2,015	
34	Sửa chữa ống mục lê phải hẻm 82 Bình Quới Phường 27 quận Bình Thạnh	QBT	205m 309m	Ø180 Ø125				2,014	
35	Sửa chữa ống mục lê trái hẻm 82 Bình Quới Phường 27 quận Bình Thạnh	QBT	205m 309m	Ø180 Ø125				2,014	
36	Sửa chữa ống mục đường Nguyễn Xí, hẻm 535 Phạm Văn Đồng Phường 13 quận Bình Thạnh	QBT	200m 300m	Ø180 Ø125				1,804	
37	Sửa chữa ống mục đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (từ nhà số 163 đến 245C), đường Điện Biên Phủ (từ Trường Sa đến 24 Điện Biên Phủ) Phường 17 quận Bình Thạnh	QBT	413m	Ø225				2,153	
38	Sửa chữa ống mục hẻm 134, 168 Đào Duy Anh, Phường 9, quận Phú Nhuận	QPN	300m	Ø125				1,500	
39	Sửa chữa ống mục hẻm 68, 88, 108, Đào Duy Anh, Phường 9, quận Phú Nhuận	QPN	400m	Ø125				2,000	

